

Bản án số: 62/2023/HSST  
Ngày 18 tháng 9 năm 2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH B**

**\* Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Á Dương

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Nguyễn Lâm Giang.

2. Ông Đào Xuân Hải.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Nam - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện

T.

- **Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa:** Ông Vi Văn Cảnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 64/2023/HSST, ngày 05 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2023/HSST- QĐ ngày 05 tháng 9 năm 2023 đối với các bị cáo:

**1. Họ và tên: Lê Văn M; Sinh năm: 1969;**

- Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam;

- Nơi ĐKKTT và nơi ở: Thôn 284, xã Q, huyện T, tỉnh B;

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

- Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 5/10; Chức vụ: Không có;

- Họ và tên cha: Lê Hải B, sinh năm 1932 (đã chết);

- Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị S, sinh năm 1939;

- Vợ: Hà Thị L, sinh năm 1978;

- Gia đình có 04 anh, chị em, bị cáo là con thứ 03;

- Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không có;

Bị cáo bị bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/3/2023 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**2. Họ và tên: Giáp Văn T; Sinh năm: 1991;**

- Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam;

- Nơi ĐKKTT và nơi ở: Thôn 284, xã Q, huyện T, tỉnh B;

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

- Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 8/12; Chức vụ: Không có;
- Họ và tên cha: Giáp Văn B, sinh năm 1967;
- Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1975;
- Vợ, con: Chưa có;
- Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất;
- Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không có;

Bị cáo bị bắt quả tang và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/3/2023 đến nay, hiện bị cáo đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Nguyễn Khắc Đ, sinh năm 1975 (Vắng mặt)  
Trú tại: thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh B.
- Anh Hoàng Ngọc Á, sinh năm 2001 (Vắng mặt)  
Trú quán: Khu B, thị trấn N, huyện C, tỉnh H.
- Ông Giáp Văn B, sinh năm 1967 (Có mặt)  
Trú tại: Thôn 284, xã Q, huyện T, tỉnh B.
- Chị Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1989 (Vắng mặt)  
Trú tại: Thôn C, xã N, huyện V, tỉnh B.

**\* Người làm chứng:**

- Chị Sìn Thị H, sinh năm 2001 (Vắng mặt)  
Trú quán: Bản T, xã N, thị xã M, tỉnh Đ .
- Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1967 (Có mặt)
- Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1984 (Có mặt)  
Đều trú tại: Thôn 284, xã Q, huyện T, tỉnh B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 10 giờ 46 phút ngày 24/3/2023, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện T phối hợp với Công an xã Q, huyện T phát hiện, bắt quả tang Giáp Văn T, sinh năm 1991, trú quán Thôn 284, xã Q, huyện T, tỉnh B có hành vi bán trái phép chất ma túy tại nhà của mình cho Nguyễn Khắc Đ, sinh năm 1975, trú tại thôn C, xã Đ, huyện Y. Thời điểm bắt quả tang, tại nhà T có Hoàng Ngọc Á, sinh năm 2001, trú quán: Khu B, thị trấn N, huyện C, tỉnh H và Sìn Thị H, sinh năm 2001, trú quán: Bản T, xã N, thị xã M, tỉnh Đ . Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang bao gồm:

Thu giữ trong túi quần phía trước bên phải T đang mặc: 01 (một) túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khóa nhựa, viền màu xanh, bên trong đựng 01 viên nén hình tròn màu hồng đỏ và chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy, được niêm phong 01 phong bì thư ký hiệu “QT”.

Thu giữ trong túi quần trước bên phải T đang mặc 01 tờ tiền polyme có mệnh giá 100.000 đồng, có số seri QR18485023, được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu “Tiền của T”.

Thu giữ trên nền gạch trong phòng ngủ thứ hai (theo hướng từ ngoài cửa vào) nhà Giáp Văn T:

- + 01 mảnh giấy bạc, một mặt màu trắng bạc, một mặt có vết màu đen;

+ 01 túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khóa nhựa, viền màu xanh, bên trong không đựng gì.

Mảnh giấy bạc và túi nilon màu trắng được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu “QT1”.

+ 01 chai nhựa màu trắng, nắp màu đen, bên trong nắp gắn giấy bạc và các đoạn ống hút nhựa màu khác nhau (bên trong chai không chứa gì);

+ 01 (một) bật lửa gas màu đỏ;

Ngoài ra, Nguyễn Văn T tự nguyện giao nộp: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu IPHONE màu vàng, đã qua sử dụng, có số Imei 354984077930680, lắp sim số 0334.252.476 và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius màu đen- bạc đã qua sử dụng, biển kiểm soát 98M8-0008; số khung 164897; số máy 164897; bên trong cốp xe có 01 đăng ký xe mô tô, xe máy số 020123, tên chủ xe: Nguyễn Thị Hồng H, địa chỉ: thôn N – xã N - V (bút lục: 113 -116).

Cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn T, quá trình khám xét không phát hiện thu giữ đồ vật tài liệu gì liên quan đến vụ án (bút lục: 123).

Quá trình đấu tranh T khai số ma túy bị Công an thu giữ và số ma túy T bán cho Đ do T mua của Lê Văn M, sinh năm 1969 ở cùng thôn với T. Căn cứ lời khai của T, cùng ngày 24/3/2023, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Văn M tại thôn 284, xã Q, huyện T, quá trình khám xét thu giữ:

- Thu trên giường trong phòng ngủ tầng 2 nhà M nhiều túi nhựa nhỏ dạng túi zip màu trắng, một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, có viền màu xanh và màu đỏ, bên trong nghi bám dính chất ma túy được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu “MG1”;

- Thu dưới gầm giường phòng ngủ tầng 2 nhà M: 01 gói giấy bạc, nghi bên trong bám dính chất ma túy được niêm trong phong bì ký hiệu “GG1”;

- Tại đầu giường phòng ngủ tầng 2 nhà M: 01 bình thủy tinh nắp đậy có gắn ống thủy tinh;

- Thu trên mái tôn dãy phòng trọ nhà M: 01 túi da màu nâu (dạng túi đựng kính mắt), mặt ngoài có chữ “Anh Đức” màu trắng, bên trong có: 01 túi nilon bằng nhựa màu trắng, một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, có viền màu đỏ, bên trong chứa chất bột màu nâu vàng nghi là chất ma túy; 01 túi nilon bằng nhựa màu trắng, một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, có viền màu đỏ, bên trong chứa 06 (sáu) túi nhựa (dạng túi zip) một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, có viền màu xanh, trong mỗi túi đều đựng chất tinh thể màu trắng và 01 viên nén hình tròn màu hồng đỏ nghi là ma túy tổng hợp; 03 (ba) túi nhựa (dạng túi zip) màu trắng, một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, có viền màu xanh, bên trong nghi bám dính chất ma túy. Tất cả được niêm phong trong phong bì ký hiệu “MN1”.

Ngoài ra tổ công tác còn thu giữ tại túi quần bỏ phía trước bên phải Lê Văn M đang mặc: 01 ví da màu nâu bên trong có 01 căn cước công dân số 024069004983; 05 (năm) tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng có số seri lần lượt DN21734738, SJ17955442, YF08504088, DK13925743, PG16378109 và 02 (hai) tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng gồm các số seri FV21180252, DX21150051.

Thu tại túi quần phía trước bên trái Lê Văn M đang mặc: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone SE màu hồng, số Imei 355438076297772 và 01 chiếc điện thoại

nhãn hiệu OPPO A3S màu tím, số Imei 1: 862134040023115, số Imei 2: 862134040023107 (bút lục: 126-127).

Ngày 24/3/2023, Cơ quan điều tra đã tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp và ra lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Lê Văn M, quá trình bắt giữ không thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Sau khi bắt quả tang, Cơ quan điều tra đã test nhanh ma túy đối với chị Sìn Thị H, Hoàng Ngọc Á, Nguyễn Khắc Đ, Lê Văn M và Giáp Văn T, kết quả Sìn Thị H và Hoàng Ngọc Á đều âm tính với ma túy, Nguyễn Khắc Đ dương tính với ma túy tổng hợp và ma túy Heroine, Lê Văn M dương tính với ma túy tổng hợp, Giáp Văn T dương tính với ma túy “MDMA” và ma túy “MET”(bút lục: 176, 181, 193, 210, 239).

Ngày 24/3/2023, Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B giám định số vật chứng nghi là ma túy thu giữ khi bắt quả tang tại nhà T và khi khám xét nơi ở của M.

Tại Kết luận giám định số 566/KL-KTHS ngày 31/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận:

- Trong 01 (một) phong bì có ký hiệu “QT” đã được niêm phong gửi giám định:

Chất tinh thể màu trắng và 01 (một) viên nén hình tròn màu hồng đỏ đựng trong 01 (một) túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viền màu xanh là ma túy, có tổng khối lượng 0,176 gam, loại Methamphetamine.

- Trong 01 (một) phong bì có ký hiệu “MG1” đã được niêm phong gửi giám định:

Chất bột màu trắng bám dính trong các túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, có viền màu xanh và màu đỏ, được đựng trong 01 (một) túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viền màu đỏ đều là ma túy, loại Methamphetamine, không xác định được khối lượng.

- Trong 01 (một) phong bì có ký hiệu “GG1” đã được niêm phong gửi giám định:

Chất màu nâu đen bám dính trong 01 (một) gói giấy bạc là ma túy, loại Methamphetamine, không xác định được khối lượng.

- Trong 01 (một) phong bì có ký hiệu “MN1” đã được niêm phong gửi giám định:

Trong 01 (một) túi da màu nâu (dạng túi đựng kính mắt), mặt ngoài có chữ “Anh Đức” màu trắng:

+ Chất bột màu nâu vàng đựng trong 01 (một) túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viền màu đỏ là ma túy, có tổng khối lượng 0,644 gam, loại Methamphetamine.

+ Chất tinh thể màu trắng và 06 (sáu) viên nén hình tròn màu hồng đỏ đựng trong 06 (sáu) túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viền màu xanh, được đựng trong 01 (một) túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khóa nhựa, viền màu đỏ là ma túy, có tổng khối lượng 0,939 gam, loại Methamphetamine.

+ Chất bột màu trắng bám dính trong 03 (ba) túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viền màu xanh đều là ma túy, loại Methamphetamine, không xác định được khối lượng (bút lục: 53, 54).

Ngày 04/7/2023, Cơ quan điều tra ra Quyết định trưng cầu giám định Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B đối với số tiền thu giữ trong quá trình bắt quả tang và khám xét.

Tại Kết luận giám định số 1275/KL-KTHS ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận:

06 (sáu) tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng gồm các số seri QR18485023, DK13925743, SJ17955442, YF08504088, DN21734738, PG16378109 và 2 (hai) tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng gồm các số seri FV21180252, DX21150051 gửi giám định là tiền thật (bút lục: 59).

Ngày 09/8/2023, Cơ quan điều tra ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B đối với phong bì niêm phong ký hiệu “QT1” thu giữ trong quá trình bắt quả tang.

Tại Kết luận giám định số 1506/KL-KTHS ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận:

Trong 01 phong bì có ký hiệu “QT1” và ghi “T” + M” đã được niêm phong gửi giám định:

- Không tìm thấy chất ma túy trong 01 (một) túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viền màu xanh.

- Không tìm thấy chất ma túy trên 01 (một) mảnh giấy bạc có một mặt màu trắng bạc, một mặt có vết màu đen (bút lục: 62).

Quá trình điều tra xác định được như sau: Buổi sáng ngày 24/3/2023, Nguyễn Khắc Đ cùng Hoàng Ngọc Á và Sìn Thị H đi chơi tại khu vực xã Q, huyện T. Khi đó Á có cho Đ vay số tiền 400.000 đồng (gồm 04 tờ đều có mệnh giá 100.000 đồng) đồng thời Á có dùng điện thoại di động chụp lại số seri của 04 tờ tiền này. Khoảng hơn 10 giờ cùng ngày, Đ điều khiển xe mô tô của Á chở Á và H đến nhà Giáp Văn T mục đích Đ mua ma túy để sử dụng nhưng Đ không nói cho H và Á biết mục đích của Đ. Khoảng 10 giờ Đ, Á và H đến nhà T, khi đến nhà T, Đ đưa cho T 400.000 đồng (gồm 4 tờ tiền Đ đã vay của Á trước đó). T cầm số tiền Đ đưa cho và đi sang nhà bồ đề (là ông Giáp Văn B, sinh năm 1967 ở cùng thôn) mượn xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu đen – bạc, biển kiểm soát 98M8-0008 đi một mình đến nhà Lê Văn M, sinh năm 1969 ở cùng thôn để mua ma túy. Khi đến nhà M, lúc này khoảng 10 giờ 15 phút cùng ngày, T để xe ở cổng đi bộ vào trong sân đứng ngoài cửa gọi M thì M đi từ trên tầng hai xuống. T bảo M “bán cho cháu 400.000 đồng đá ngựa”, M quay lên tầng hai một lúc đi xuống đứng sát cửa sổ đưa cho T 02 túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khóa nhựa, viền màu xanh, trong mỗi túi đều đựng chất tinh thể màu trắng và 01 viên nén hình tròn màu hồng đỏ. T cầm ma túy rồi lấy 03 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng mà Đ đưa cho gồm các số seri PG16378109, DK13925743 và YF08504088 đưa cho M, đồng thời T bảo M cho T nợ 100.000 đồng, M đồng ý và cầm 300.000 đồng của T, sau đó T điều khiển xe về. Khi về nhà, T đưa cho Đ 01 túi ni lon màu trắng, một đầu có rãnh khóa nhựa, viền màu xanh bên trong đựng chất tinh thể màu trắng và 01 viên nén hình tròn màu hồng đỏ là ma túy vừa mua được của M, còn 01 túi ni lon đựng ma túy và tờ tiền còn lại T để trong túi quần. Lúc này Đ hỏi T cho Đ mượn dụng cụ để Đ sử dụng ma túy, T bảo Đ ra tủ gỗ ở phòng khách lấy chai nhựa gắn ống hút, còn T trực tiếp lấy giấy bạc cùng bật lửa gas vào phòng cho Đ. Đ bỏ ma túy ra sử dụng một mình còn T, Á và H

không sử dụng. Khi Đ vừa sử dụng ma túy xong thì lực lượng Công an đến kiểm tra, phát hiện bắt quả tang và thu giữ vật chứng.

Quá trình đấu tranh, Lê Văn M khai nguồn gốc số ma túy bị Công an thu giữ khi khám xét khẩn cấp là do M mua của một người đàn ông không quen biết với giá 400.000 đồng mục đích để sử dụng cho bản thân, M đã sử dụng nhiều lần tại nhà nhưng chỉ nhớ ngày gần nhất là buổi sáng ngày 24/3/2023, M không thừa nhận hành vi bán ma túy cho Giáp Văn T vào ngày 24/3/2023 như T đã khai. Đối với số tiền bị thu giữ, M khai do M chạy xe ôm của người không quen biết trước đó khoảng 02 – 03 ngày mà có được. Cơ quan điều tra tiến hành cho T đối chất với M nhưng T và M đều giữ nguyên lời khai.

Ngày 24/3/2023, Hoàng Ngọc Á giao nộp cho Cơ quan điều tra ảnh chụp 04 tờ tiền đều có mệnh giá 100.000 đồng, gồm các số Seri: PG16378109, YF08504088, DK13925743 và QR18485023. Á khai chụp lại số seri mục đích để đăng lên mạng xã hội để giải trí, sau đó Á đã đưa 04 tờ tiền này cho Nguyễn Khắc Đ vay (bút lục: 159, 162; 177-178).

Ngày 24/3/2023, Cơ quan điều tra cho Giáp Văn T xác định hiện trường nơi T mua ma túy của M, kết quả T xác định vị trí M đứng nhận tiền và đưa ma túy cho T là khu vực bàn uống nước trong nhà của M. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho Giáp Văn T nhận dạng qua ảnh, kết quả T nhận ra người trong ảnh số 3 là Lê Văn M là người đã bán ma túy cho T vào ngày 24/3/2023 tại nhà M (bút lục: 223 – 226).

Căn cứ vào lời khai của Nguyễn Văn T và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được, có đủ cơ sở để xác định Lê Văn M là người đã bán 02 gói ma túy với giá 400.000 đồng cho Giáp Văn T vào ngày 24/3/2023.

Đối với người bán ma túy cho Lê Văn M, do M không biết họ, tên, tuổi, năm sinh và địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, xử lý đối với người đã bán ma túy cho M.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Lê Văn M, Giáp Văn T, Nguyễn Khắc Đ, ngày 18/8/2023 Công an huyện T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng đối với Đ và T, phạt tiền 2.000.000 đồng đối với M.

Hoàng Ngọc Á cho Nguyễn Khắc Đ vay số tiền 400.000 đồng mục đích để cho Đ chi tiêu cá nhân, Hoàng Ngọc Á và Sìn Thị H đều không biết Đ sử dụng số tiền vay của Á để mua ma túy và không tham gia sử dụng trái phép chất ma túy nên Á và H không vi phạm pháp luật, đến nay Hoàng Ngọc Á không yêu cầu đề nghị gì về số tiền 400.000 đồng này.

Về vật chứng vụ án: Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu IPHONE màu vàng, đã qua sử dụng, có số Imei 354984077930680, lắp sim số 0334.252.476 là của Giáp Văn T không liên quan đến hành vi phạm tội.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 98M8-0008 (kèm theo đăng ký xe tên chủ xe Nguyễn Thị Hồng H, địa chỉ: N, N, V). Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô này là của ông Giáp Văn B (bố đẻ Giáp Văn T) mua của chị Hạnh năm 2020. Ngày 24/3/2023 T mượn xe để đi lại, ông B hoàn T không biết việc T sử dụng chiếc xe trên để đi mua ma túy nên ngày 18/8/2023, Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe trên cho ông B.

Đối với 01 chai nhựa màu trắng, nắp màu đen, bên trong nắp gắn giấy bạc và các đoạn ống hút nhựa có màu khác nhau (bên trong không chứa gì) và 01 bật lửa, đây là dụng cụ để Nguyễn Khắc Đ sử dụng ma túy.

Đối với 01 bình thủy tinh, nắp đây có ống thủy tinh, là đồ vật M dùng để sử dụng ma túy.

Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone SE màu hồng, số Imei 355438076297772 và chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A3S màu tím, số Imei 1: 862134040023115, số Imei 2: 862134040023107; 01 ví da màu nâu bên trong có 01 căn cước công dân số 024069004983 mang tên Lê Văn M là tài sản và giấy tờ tùy thân của M, không liên quan đến hành vi phạm tội.

Đối với 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng có số seri QR18485023, đây là tiền do T bán ma túy cho Đ có được.

Đối với số tiền 600.000 đồng, gồm: 05 tờ mệnh giá 100.000 đồng gồm các số seri DK13925743, SJ17955442, YF08504088, DN21734738, PG16378109 và 02 tờ mệnh giá 50.000 đồng gồm các số seri FV21180252, DX21150051: Quá trình điều tra xác định các tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng có số seri PG16378109, DK13925743 và YF08504088 là tiền do M bán ma túy cho T có được. Các tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng có số seri SJ17955442, DN21734738 và các tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng có số seri FV21180252, DX21150051 là của M, không liên quan đến hành vi phạm tội.

Bản Cáo trạng số: 60/CT-VKS, ngày 04/9/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố Lê Văn M về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 BLHS và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS và truy tố Giáp Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 BLHS và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 256 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quyết định truy tố theo T bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đồng thời đÁ giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

\* Áp dụng: Điểm c khoản 01 Điều 249; Khoản 01 khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 01 Điều 51; Điều 55; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn M từ 02 năm 06 tháng tù đến 02 năm 08 tháng tù, về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” và 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù, về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Lê Văn M phải chấp hành hình phạt chung là 04 năm tù đến 04 năm 08 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 24/3/2023. Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Lê Văn M 5.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

\* Áp dụng: Khoản 01 khoản 5 Điều 251; khoản 01 Điều 256; điểm s khoản 01 Điều 51; Điều 55; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Giáp Văn T 02 năm 02 tháng tù đến 02 năm 04 tháng tù, về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” và 02 năm tù đến 02 năm 02 tháng tù, về tội: “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt của hai tội,

buộc bị cáo Giáp Văn T phải chấp hành hình phạt chung là 04 năm 02 tháng tù đến 04 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 24/3/2023. Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Giáp Văn T 5.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

\* Áp dụng khoản 1 Điều 47 của BLHS; điểm a điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 106 của BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 1 (một) phong bì ký hiệu “QT”: Mẫu chất tinh thể màu trắng và mẫu viên nén màu hồng đỏ đựng trong 01 (một) túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viên màu xanh là ma túy, loại Methamphetamine còn lại sau giám định 0,160 gam.

+ 1 (một) phong bì ký hiệu “QT1”: 1 (một) mảnh giấy bạc có một mặt màu trắng bạc, một mặt có vết màu đen; 1 (một) túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khóa nhựa, viên màu xanh, bên trong không đựng gì.

+ 1 (một) phong bì ký hiệu “MG1”: Mẫu chất bột màu trắng bám dính trong các túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, có viên màu xanh và màu đỏ, được đựng trong 1 (một) túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viên màu đỏ đều là ma túy, loại Methamphetamine được sử dụng hết trong quá trình giám định.

+ 1 (một) phong bì ký hiệu “GG1”: Mẫu chất màu nâu đen bám dính trong 1 (một) gói giấy bạc là ma túy, loại Methamphetamine, loại Methamphetamine được sử dụng hết trong quá trình giám định.

+ 1 (một) phong bì có ký hiệu “MN1”: Trong 01 (một) túi da màu nâu (dạng túi đựng kính mắt), mặt ngoài có chữ “Anh Đức” màu trắng:

+ Mẫu chất cục bột màu nâu vàng đựng trong 1 (một) túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viên màu đỏ là ma túy, loại Methamphetamine còn lại sau giám định 0,595 gam;

+ Mẫu chất tinh thể màu trắng và mẫu viên nén hình tròn màu hồng đỏ đựng trong 6 (sáu) túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viên màu xanh, được đựng trong 1 (một) túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa nhựa, viên màu đỏ là ma túy, loại Methamphetamine còn lại sau giám định 0,877 gam;

+ Mẫu chất bột màu trắng bám dính trong 3 (ba) túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viên màu xanh là ma túy, loại Methamphetamine, được sử dụng hết trong quá trình giám định;

Các phong bì được niêm phong lại bằng dấu của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B, có chữ ký của giám định viên và đại diện cơ quan trưng cầu giám định.

+ 1 (một) chai nhựa màu trắng, nắp màu đen, bên trong nắp gắn giấy bạc và các đoạn ống hút nhựa có màu khác nhau (bên trong chai không chứa gì).

+ 1 (một) bật lửa gas màu đỏ.

+ 1 (một) bình thủy tinh, nắp đậy có ống thủy tinh.

- Trả lại bị cáo Giáp Văn T 1 (một) phong bì có ký hiệu “ĐT” được niêm phong bên trong có: 1 (một) điện thoại nhãn hiệu IPHONE màu vàng, đã qua sử dụng, có số Imei 354984077930680, lắp sim số 0334.252.476 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại bị cáo Lê Văn M: 01 (một) phong bì niêm phong có ký hiệu “ĐT1”, bên trong có 1 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone SE màu hồng, số Imei 355438076297772; 1 (một) điện thoại nhãn hiệu OPPO A3S màu tím, số Imei 1: 862134040023115, số Imei 2: 862134040023107 là của tài sản của bị cáo M, không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại bị cáo Lê Văn M 1 (một) ví da màu nâu bên trong có 01 (một) căn cước công dân mang tên Lê Văn M, số 024069004983 không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Tịch thu của bị cáo Giáp Văn T 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng có số seri QR 18485023, là tiền do T bán ma túy cho Nguyễn Khắc Đ mà có để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với: 1 (một) phong bì thư niêm phong ký hiệu “Tiền của T” bên trong có số tiền 100.000 đồng và 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu “TT1” bên trong có số tiền 600.000 đồng: Hiện đang bảo quản tại Kho vật chứng Kho bạc Nhà nước huyện T thì xử lý như sau:

+ Tịch thu của bị cáo Lê Văn M: 03 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng có số seri PG16378109, DK13925743 và YF08504088 là tiền do bị cáo M bán ma túy cho T có được để sung quỹ Nhà nước.

+ Trả lại bị cáo Lê Văn M: 02 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng có số seri SJ17955442, DN21734738 và 02 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng có số seri FV21180252, DX21150051 là của tài sản của bị cáo M, không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Lê Văn M, Giáp Văn T nói lời sau cùng: Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến gì hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Khoảng 10 giờ 15 phút sáng ngày 24/3/2023, tại nhà của Lê Văn M, ở Thôn 284, xã Q, huyện T, tỉnh B, Lê Văn M đã có hành vi bán trái phép 02 gói ma túy Methamphetamine với giá 400.000 đồng cho Giáp Văn T. Ngoài ra, Lê Văn M còn có hành vi tàng trữ trái phép 1,583 gam ma túy Methamphetamine mục đích để sử dụng cho bản thân.

Hồi 10 giờ 46 phút ngày 24/3/2023, tại nhà Giáp Văn T, ở thôn 284, xã Q, huyện T, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện T phối hợp với Công an xã Q, huyện T bắt quả tang Giáp Văn T có hành vi bán trái phép 01 gói ma túy Methamphetamine với giá 400.000 đồng cho Nguyễn Khắc Đ. Ngay sau khi bán ma túy cho Đ, Giáp Văn T còn có hành vi chứa chấp Nguyễn Khắc Đ sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà Giáp Văn T. Ngoài ra, Giáp Văn T còn có hành

vi tàng trữ trái phép 0,176 gam ma túy Methamphetamine mục đích để bán kiếm lời.

Quá trình điều tra, truy tố thì bị cáo Lê Văn M không thừa nhận hành vi bán trái phép chất ma túy cho bị cáo Giáp Văn T và thừa nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo Giáp Văn T thừa nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy và chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy. Tại phiên tòa: bị cáo Lê Văn M thừa nhận hành vi bán trái phép chất ma túy cho bị cáo Giáp Văn T và thừa nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng cho bản thân, hành vi như cáo trạng nêu, bị cáo Giáp Văn T thừa nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy và chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, hành vi như cáo trạng nêu. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Bản tự khai, Bản tường trình và lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng tang vật chứng là ma túy thu giữ được và kết quả giám định vật chứng. Như vậy, hành vi trên của bị cáo Lê Văn M đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS và tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS. Hành vi trên của bị cáo Giáp Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”, tội danh và hình phạt được quy định khoản 1 Điều 256 BLHS. Các bị cáo hoàn T đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T và kết luận của Kiểm sát viên truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an xã hội, đã xâm phạm sự độc quyền quản lý các chất gây nghiện của nhà nước. Ma túy là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác. Hiện nay nhà nước đang tuyên truyền và đấu tranh phòng chống quyết liệt đối với các hành vi vi phạm pháp luật về ma túy. Pháp luật đã nghiêm cấm mọi hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển, chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy nhưng các bị cáo vẫn bất chấp để thực hiện hành vi phạm tội nhằm thỏa M nhu cầu sử dụng chất ma túy sai trái của bản thân và kiếm lời. Hành vi của các bị cáo đã tiếp tay cho việc tiêu thụ ma túy, làm ảnh hưởng đến sự phát triển lành mạnh của đời sống cộng đồng. Trong tình hình hiện nay việc đấu tranh phòng chống tội phạm về ma túy là yêu cầu cấp thiết. Do vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự nhằm đảm bảo cho việc giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

Xét về động cơ, tính chất, mức độ, vai trò của các bị cáo thấy: Để thỏa M nhu cầu nghiện ma túy sai trái của bản thân và bán ma túy kiếm lời nên các bị cáo Lê Văn M, Giáp Văn T đã thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên chỉ mang tính đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết tổ chức chặt chẽ giữa các bị cáo trong việc thực hiện tội phạm. Hành vi phạm tội của các bị cáo Lê Văn M, Giáp Văn T thuộc trường hợp nghiêm trọng. Bị

cáo M là người mua ma túy về bán cho bị cáo T nên bị cáo M giữ vai trò chính trong hành vi mua bán trái phép chất ma túy với bị cáo T. Bị cáo T mua ma túy về bán cho Nguyễn Khắc Đ và chưa chấp cho Nguyễn Khắc Đ sử dụng trái phép chất ma túy nên phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi này. Với động cơ, tính chất, mức độ, vai trò của các bị cáo như vậy cần xử phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo Lê Văn M, Giáp Văn T như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.

Chỉ cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền theo khoản 5 Điều 251 của BLHS về tội mua bán trái phép chất ma túy đối với các bị cáo Lê Văn M, Giáp Văn T là đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy:

Xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy: Không có.

Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy: Tại phiên toà hôm nay, các bị cáo Lê Văn M, Giáp Văn T thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

[5] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đưa ra về xử lý vật chứng là phù hợp, có cơ sở chấp nhận. Áp dụng điểm a điểm b điểm c khoản 1 Điều 47 của BLHS; điểm a điểm b điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 106 của BLTTHS:

- Tịch thu tiêu huỷ:

+ 1 (một) phong bì ký hiệu “QT”: Mẫu chất tinh thể màu trắng và mẫu viên nén màu hồng đỏ đựng trong 01 (một) túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viên màu xanh là ma túy, loại Methamphetamine còn lại sau giám định 0,160 gam.

+ 1 (một) phong bì ký hiệu “QT1”: 1 (một) mảnh giấy bạc có một mặt màu trắng bạc, một mặt có vết màu đen; 1 (một) túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khóa nhựa, viên màu xanh, bên trong không đựng gì.

+ 1 (một) phong bì ký hiệu “MG1”: Mẫu chất bột màu trắng bám dính trong các túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, có viên màu xanh và màu đỏ, được đựng trong 1 (một) túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viên màu đỏ đều là ma túy, loại Methamphetamine được sử dụng hết trong quá trình giám định.

+ 1 (một) phong bì ký hiệu “GG1”: Mẫu chất màu nâu đen bám dính trong 1 (một) gói giấy bạc là ma túy, loại Methamphetamine, loại Methamphetamine được sử dụng hết trong quá trình giám định.

+ 1 (một) phong bì có ký hiệu “MN1”: Trong 01 (một) túi da màu nâu (dạng túi đựng kính mắt), mặt ngoài có chữ “Anh Đức” màu trắng:

+ Mẫu chất cục bột màu nâu vàng đựng trong 1 (một) túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viên màu đỏ là ma túy, loại Methamphetamine còn lại sau giám định 0,595 gam;

+ Mẫu chất tinh thể màu trắng và mẫu viên nén hình tròn màu hồng đỏ đựng trong 6 (sáu) túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viên màu xanh,

được đựng trong 1 (một) túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khóa nhựa, viền màu đỏ là ma túy, loại Methamphetamine còn lại sau giám định 0,877 gam;

+ Mẫu chất bột màu trắng bám dính trong 3 (ba) túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viền màu xanh là ma túy, loại Methamphetamine, được sử dụng hết trong quá trình giám định;

Các phong bì được niêm phong lại bằng dấu của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B, có chữ ký của giám định viên và đại diện cơ quan trung cầu giám định.

+ 1 (một) chai nhựa màu trắng, nắp màu đen, bên trong nắp gắn giấy bạc và các đoạn ống hút nhựa có màu khác nhau (bên trong chai không chứa gì).

+ 1 (một) bật lửa gas màu đỏ.

+ 1 (một) bình thủy tinh, nắp đậy có ống thủy tinh.

- Trả lại bị cáo Giáp Văn T 1 (một) phong bì có ký hiệu “ĐT” được niêm phong bên trong có: 1 (một) điện thoại nhãn hiệu IPHONE màu vàng, đã qua sử dụng, có số Imei 354984077930680, lắp sim số 0334.252.476 không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại bị cáo Lê Văn M: 01 (một) phong bì niêm phong có ký hiệu “ĐT1”, bên trong có 1 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone SE màu hồng, số Imei 355438076297772; 1 (một) điện thoại nhãn hiệu OPPO A3S màu tím, số Imei 1: 862134040023115, số Imei 2: 862134040023107 là của tài sản của bị cáo M, không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại bị cáo Lê Văn M 1 (một) ví da màu nâu bên trong có 01 (một) căn cước công dân mang tên Lê Văn M, số 024069004983 không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Đối với: 1 (một) phong bì thư niêm phong ký hiệu “Tiền của T” bên trong có số tiền 100.000 đồng và 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu “TT1” bên trong có số tiền 600.000 đồng: Hiện đang bảo quản tại Kho vật chứng Kho bạc Nhà nước huyện T thì xử lý như sau:

+ Tịch thu của bị cáo Giáp Văn T 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng có số seri QR 18485023, là tiền do T bán ma túy cho Nguyễn Khắc Đ mà có để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

+ Tịch thu của bị cáo Lê Văn M: 03 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng có số seri PG16378109, DK13925743 và YF08504088 là tiền do bị cáo M bán ma túy cho T có được để sung quỹ Nhà nước.

+ Trả lại bị cáo Lê Văn M: 02 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng có số seri SJ17955442, DN21734738 và 02 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng có số seri FV21180252, DX21150051 là của tài sản của bị cáo M, không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[6] Đối với người bán ma túy cho Lê Văn M, do M không biết họ, tên, tuổi, năm sinh và địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, xử lý đối với người đã bán ma túy cho M.

[7] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Lê Văn M, Giáp Văn T, Nguyễn Khắc Đ, ngày 18/8/2023 Công an huyện T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng đối với Đ và T, phạt tiền 2.000.000 đồng đối với M là đúng.

[8] Hoàng Ngọc Á cho Nguyễn Khắc Đ vay số tiền 400.000 đồng mục đích để cho Đ chi tiêu cá nhân, Hoàng Ngọc Á và Sìn Thị H đều không biết Đ sử dụng số tiền vay của Á để mua ma túy và không tham gia sử dụng trái phép chất ma túy nên Á và H không vi phạm pháp luật, đến nay Hoàng Ngọc Á không yêu cầu đề nghị gì về số tiền 400.000 đồng này nên không đặt ra xem xét.

[9] Đối với xe mô tô biển kiểm soát 98M8-0008 (kèm theo đăng ký xe tên chủ xe Nguyễn Thị Hồng H, địa chỉ: thôn N, xã N, huyện V). Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô này là của ông Giáp Văn B (bố đẻ Giáp Văn T) mua của chị Hạnh năm 2020. Ngày 24/3/2023 T mượn xe để đi lại, ông B hoàn T không biết việc T sử dụng chiếc xe trên để đi mua ma túy nên ngày 18/8/2023, Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe trên cho ông B là đúng.

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH :**

1. Căn cứ: Điểm c khoản 01 Điều 249; khoản 01 khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 01 Điều 51; Điều 55; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn M 02 năm 06 tháng tù, về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” và 02 năm tù, về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Lê Văn M phải chấp hành hình phạt chung là 04 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 24/3/2023. Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Lê Văn M 5.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

2. Căn cứ: Khoản 01 khoản 5 Điều 251; khoản 01 Điều 256; điểm s khoản 01 Điều 51; Điều 55; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Giáp Văn T 02 năm 04 tháng tù, về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” và 02 năm 01 tháng tù, về tội: “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Giáp Văn T phải chấp hành hình phạt chung là 04 năm 05 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 24/3/2023. Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Giáp Văn T 5.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

3. Áp dụng điểm a điểm b điểm c khoản 1 Điều 47 của BLHS; điểm a điểm b điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 106 của BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 1 (một) phong bì ký hiệu “QT”: Mẫu chất tinh thể màu trắng và mẫu viên nén màu hồng đỏ đựng trong 01 (một) túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viên màu xanh là ma túy, loại Methamphetamine còn lại sau giám định 0,160 gam.

+ 1 (một) phong bì ký hiệu “QT1”: 1 (một) mảnh giấy bạc có một mặt màu trắng bạc, một mặt có vết màu đen; 1 (một) túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khóa nhựa, viên màu xanh, bên trong không đựng gì.

+ 1 (một) phong bì ký hiệu “MG1”: Mẫu chất bột màu trắng bám dính trong các túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, có viên màu xanh và màu đỏ, được đựng trong 1 (một) túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa,

viên màu đỏ đều là ma túy, loại Methamphetamine được sử dụng hết trong quá trình giám định.

+ 1 (một) phong bì ký hiệu “GG1”: Mẫu chất màu nâu đen bám dính trong 1 (một) gói giấy bạc là ma túy, loại Methamphetamine, loại Methamphetamine được sử dụng hết trong quá trình giám định.

+ 1 (một) phong bì có ký hiệu “MN1”: Trong 01 (một) túi da màu nâu (dạng túi đựng kính mắt), mặt ngoài có chữ “Anh Đức” màu trắng:

+ Mẫu chất cục bột màu nâu vàng đựng trong 1 (một) túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viên màu đỏ là ma túy, loại Methamphetamine còn lại sau giám định 0,595 gam;

+ Mẫu chất tinh thể màu trắng và mẫu viên nén hình tròn màu hồng đỏ đựng trong 6 (sáu) túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viên màu xanh, được đựng trong 1 (một) túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khóa nhựa, viên màu đỏ là ma túy, loại Methamphetamine còn lại sau giám định 0,877 gam;

+ Mẫu chất bột màu trắng bám dính trong 3 (ba) túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viên màu xanh là ma túy, loại Methamphetamine, được sử dụng hết trong quá trình giám định;

Các phong bì được niêm phong lại bằng dấu của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B, có chữ ký của giám định viên và đại diện cơ quan trung cầu giám định.

+ 1 (một) chai nhựa màu trắng, nắp màu đen, bên trong nắp gắn giấy bạc và các đoạn ống hút nhựa có màu khác nhau (bên trong chai không chứa gì).

+ 1 (một) bật lửa gas màu đỏ.

+ 1 (một) bình thủy tinh, nắp đậy có ống thủy tinh.

- Trả lại bị cáo Giáp Văn T 1 (một) phong bì có ký hiệu “ĐT” được niêm phong bên trong có: 1 (một) điện thoại nhãn hiệu IPHONE màu vàng, đã qua sử dụng, có số Imei 354984077930680, lắp sim số 0334.252.476 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại bị cáo Lê Văn M: 01 (một) phong bì niêm phong có ký hiệu “ĐT1”, bên trong có 1 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone SE màu hồng, số Imei 355438076297772; 1 (một) điện thoại nhãn hiệu OPPO A3S màu tím, số Imei 1: 862134040023115, số Imei 2: 862134040023107 là của tài sản của bị cáo M, không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại bị cáo Lê Văn M 1 (một) ví da màu nâu bên trong có 01 (một) căn cước công dân mang tên Lê Văn M, số 024069004983 không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Đối với: 1 (một) phong bì thư niêm phong ký hiệu “Tiền của T” bên trong có số tiền 100.000 đồng và 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu “TT1” bên trong có số tiền 600.000 đồng: Hiện đang bảo quản tại Kho vật chứng Kho bạc Nhà nước huyện T thì xử lý như sau:

+ Tịch thu của bị cáo Giáp Văn T 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng có số seri QR 18485023, là tiền do T bán ma túy cho Nguyễn Khắc Đ mà có để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

+ Tịch thu của bị cáo Lê Văn M: 03 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng có số seri PG16378109, DK13925743 và YF08504088 là tiền do bị cáo M bán ma túy cho T có được để sung quỹ Nhà nước.

+ Trả lại bị cáo Lê Văn M: 02 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng có số seri SJ17955442, DN21734738 và 02 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng có số seri FV21180252, DX21150051 là của tài sản của bị cáo M, không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng theo Quyết định chuyển vật chứng số: 52/QĐ – VKS, ngày 04/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T).

4. Áp dụng khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Lê Văn M, Giáp Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu Hs, Vp.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Á Dương**

